TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn H ngày 23/11/2021. Trước khi cưới, có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường sảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không đồng nhất quan điểm, không hòa thuận được để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 4/2024. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị thiết tha xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Đức A, sinh ngày 13/6/2020 và Trần Ngọc N, sinh ngày 21/8/2023. Hiện hai con đang ở chị, các con khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị xin được nuôi cả hai con không đề nghị toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn H, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên toà hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự là nguyên đơn, trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Phía bị đơn, anh H cố ý vắng mặt, mặc dù đã được thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị xét xử cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung: Giao chị T nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị T không đề nghị giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn H, nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị T xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Xác định anh H từ chối khai báo, từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình, nên HĐXX căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T đăng ký kết hôn với anh Trần Văn H ngày 23/11/2021, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 4/2024. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T thiết tha xin được ly hôn. Phía anh H, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn không phối kết hợp để làm việc. Qua lời khai của đương sự và qua xác minh, HĐXX xét thấy

mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị T là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh H để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H sinh được hai con chung là Trần Đức A, sinh ngày 13/6/2020 và Trần Ngọc N, sinh ngày 21/8/2023, hiện hai con đang ở cùng chị T, các con khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị T xin được nuôi cả hai con, không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Phía anh H đã được Toà án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn không phối kết hợp để làm việc, vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. HĐXX xét thấy, phía anh H từ chối khai báo, từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình, các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, nên để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con trẻ, cần giao chị T nuôi cả hai con. Nếu sau này, anh H có mặt đề nghị thay đổi việc nuôi con, Tòa án sẽ có thể giải quyết bằng vụ án khác.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.2] Sau khi ly hôn, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Xét là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có sảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị Thu T nuôi hai con chung là Trần Đức A, sinh ngày 13/6/2020 và Trần Ngọc N, sinh ngày 21/8/2023. Không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007694 ngày 11/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã D, Lạng Giang, Bắc Giang
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi